TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Di sản Hy Lạp trong văn hóa Kitô giáo và nghệ thuật Phật giáo

ISSN: 2734-9195 11:05 26/05/2026

Minh chứng rằng nghệ thuật có thể xóa nhòa mọi ranh giới về không gian và thời gian. Trong đó, di sản Hy Lạp - La Mã tỏa sáng như một biểu tượng trường tồn của nhân loại, kết nối những chân trời khác biệt.

Sau nhiều chuyến tham quan bảo tàng và quá trình nghiên cứu gần đây, tôi nhận ra một điều thú vị: những ranh giới mặc định giữa các nền văn hóa và thời đại vốn không hề rạch ròi hay sâu sắc như tôi từng nghĩ hoặc từng được giảng dạy.

Ở trường, tôi từng tiếp nhận góc nhìn khá giản lược rằng: nhân loại đã bước vào "Thời kỳ tăm tối" ngay sau khi Đế quốc La Mã sụp đổ (điều mà thực tế lịch sử đã chứng minh là không hoàn toàn chính xác). Phải đợi đến thời kỳ Phục Hưng, ánh sáng của văn hóa và nghệ thuật mới bừng sáng trở lại, tạo ra một vết nứt sâu sắc giữa nền **văn hóa** Hy Lạp - La Mã và văn hóa Cơ Đốc giáo thời Trung Cổ.



Pho tượng nữ thần Aphrodite đứng mặc trang phục, thường được gọi là “Nữ thần Aphrodite cõi Rùa biển” hay “Aphrodite Brazzà”, có nguồn gốc từ vùng Attica (Hy Lạp) và mang phong cách chế tác khoảng 430-420 trước Tây lịch. Bức tượng hiện đang trưng bày tại Bảo tàng Altes (Berlin) nhiều khả năng là bản sao từ thời kỳ Hy Lạp hóa muộn hoặc đầu thời Đế quốc dựa trên một nguyên bản Hy Lạp cổ đại. Mặc dù hình ảnh con rùa biển được bổ sung sau thời cổ đại, chi tiết này hoàn toàn khớp với mô tả của các học giả cổ đại như vị tướng lĩnh lãnh đạo lực lượng bộ binh kết hợp của Liên minh Hy Lạp, người Spart, nhiếp chính vương Pausanias và nhà tiểu luận và nhà tiểu sử học La Mã cổ đại, người La Mã (sắc tộc Hy Lạp), Plutarch về hình tượng Nữ thần Aphrodite Urania tại Elis – nơi nữ thần đặt một chân lên lưng rùa.

Thế nhưng, càng tìm hiểu, tôi càng nhận ra quan điểm đó không đúng. Di sản Hy Lạp - La Mã (Greco-Roman) không hề mất đi, mà đã được biến đổi và thích ứng linh hoạt với bối cảnh mới. Đáng ngạc nhiên là sự giao thoa tương tự cũng diễn ra trong nghệ thuật Phật giáo. Điển hình như nghệ thuật Gandhāra cổ đại (hay nghệ thuật Hy Lạp - Phật giáo), nơi triết lý Phật giáo và thẩm mỹ Hy Lạp cổ đại hòa quyện vào nhau tạo nên một di sản độc đáo.

Trong bài viết này, tôi muốn tóm tắt những phát hiện của mình và chia sẻ những suy nghĩ sâu sắc hơn về chủ đề, mà chắc hẳn nhiều người sẽ quan tâm.

Văn minh Hy Lạp - La Mã cổ đại và sự tiến hóa

Sự rực rỡ của nền văn minh Hy Lạp - La Mã cổ đại có mối liên hệ mật thiết với tiến trình lịch sử thời kỳ Hy Lạp hóa. Khởi nguồn từ các cuộc chinh phục của Alexander Đại đế vào thế kỷ IV trước Tây lịch, thời kỳ này chứng kiến sự bành trướng của văn hóa Hy Lạp từ Đông Địa Trung Hải đến tận châu Á.

Chủ nghĩa Hy Lạp (Hellenism) không chỉ là sự mở rộng về mặt địa lý mà còn là bước tiến truyền bá sâu rộng các tư tưởng triết học và giá trị thẩm mỹ. Nhờ các chiến dịch quân sự vĩ đại của Alexander, nhiều thành phố và thuộc địa Hy Lạp đã vươn xa khỏi ranh giới truyền thống. Dưới sự cai trị của giới tinh hoa, các vùng lãnh thổ này nhanh chóng trở thành những trung tâm văn hóa lớn, nơi nghệ thuật, văn chương và tư tưởng chính trị Hy Lạp giao thoa cùng bản sắc bản địa.

Sự cộng hưởng này đã tạo nên một bức tranh giao lưu phong phú, trong đó di sản Hy Lạp cổ điển được tiếp biến linh hoạt để hòa nhập vào đời sống địa phương.

Nghệ thuật và kiến trúc thời kỳ này nổi bật nhờ xu hướng đề cao tính hiện thực, mở rộng biên độ sáng tạo thông qua những chủ đề và phong cách mới. Giai đoạn này cũng đánh dấu bước chuyển mình mạnh mẽ trong cách biểu đạt cảm xúc, sự chuyển động và chi tiết hình thể, thoát khỏi những khuôn mẫu lý tưởng hóa của thời kỳ Cổ đại trước đó.



Bản đồ phác họa lại toàn bộ đế chế của Alexander Đại đế vào năm 323 trước Tây lịch. Nguồn: Wikimedia Commons (Giấy phép: CC BY-SA 3.0)

Đây cũng là thời kỳ nghệ thuật mở rộng vòng tay với công chúng, không còn là đặc quyền của riêng thần linh hay vương quyền. Văn hóa Hy Lạp cổ đại đã khắc sâu dấu ấn vào văn minh La Mã trong suốt quá trình đế chế này bành trướng và thâu tóm các vùng đất thuộc thế giới Hy Lạp hóa. Dù khởi đầu chịu ảnh hưởng từ Văn hóa Etruscan (hay văn minh Etrusca), một nền văn minh cổ đại phát triển rực rỡ tại miền Trung bán đảo Ý (khu vực Etruria, tương ứng với vùng Toscana, Umbria và Lazio ngày nay) từ khoảng thế kỷ IX đến thế kỷ I trước Tây lịch, người La Mã về sau đã có dịp giao lưu trực tiếp với thế giới Hy Lạp hóa thông qua các cuộc viễn chinh. Bị chinh phục hoàn toàn bởi nghệ thuật và triết học Hy Lạp, họ dần học hỏi và dung nạp những tinh hoa ấy vào bản sắc dân tộc. Nhờ đó, nghệ thuật La Mã – vốn mang đậm tính thực dụng và khuynh hướng hiện thực thuở sơ khai – đã được thăng hoa và biến đổi sâu sắc nhờ sự giao thoa với tư tưởng lý tưởng hóa cùng chủ nghĩa tự nhiên của người Hy Lạp.

Sự tiếp biến này không đơn thuần là việc sao chép phong cách, mà là quá trình người La Mã chủ động thích nghi và diễn giải lại các yếu tố Hy Lạp. Từ sự chắt lọc và sáng tạo khéo léo ấy, họ đã kiến tạo nên một bản sắc thẩm mỹ Hy Lạp - La Mã (Greco-Roman) hoàn toàn độc đáo.



Bản đồ Đế chế La Mã và các tỉnh của nó vào thời kỳ bành trướng mạnh mẽ nhất dưới thời Hoàng đế Trajan (115-117). (Nguồn: Wikimedia Commons - Giấy phép: CC BY-SA 3.0).

Nền văn minh Hy Lạp - La Mã là sự kết hợp hoàn hảo giữa tính thực dụng của người La Mã và chủ nghĩa duy tâm của người Hy Lạp. Sự giao thoa rực rỡ này đã đặt nền móng vững chắc cho văn hóa và nghệ thuật các thời kỳ tiếp theo, tiêu biểu như thời kỳ Trung cổ Cơ đốc giáo.



Tác phẩm điêu khắc mang đậm dấu ấn thời kỳ La Mã (thế kỷ 1 sau Tây lịch) hiện đang được lưu giữ tại Bảo tàng La Mã-Đức (Cologne, Đức) mô tả hình ảnh một sĩ quan cấp cao đầy quyền uy. Tượng nổi bật với các chi tiết chạm khắc áo giáp công phu, dải băng tướng quân

thắt quanh eo cùng chiếc áo khoác quân dụng khoác ngoài dày dặn. Tuy nhiên, giới khảo cổ hiện vẫn bỏ ngỏ câu hỏi về danh tính thực sự của nhân vật này, đây có thể là một vị hoàng đế, một tướng lĩnh quân đội, hoặc thậm chí là hiện thân của Mars, vị thần chiến tranh và bảo vệ nền nông nghiệp trong tôn giáo La Mã cổ đại.

Nhờ đó, di sản của kỷ nguyên cổ đại đã vượt mọi giới hạn thời gian, in đậm dấu ấn cốt lõi vào tiến trình phát triển của văn hóa và nghệ thuật phương Tây.

Ảnh hưởng thời kỳ Hy Lạp hóa trong nghệ thuật Kitô giáo thời Trung Cổ

Dấu ấn của văn hóa Hy Lạp - La Mã trong nghệ thuật Cơ Đốc giáo thời Trung cổ không chỉ dừng lại ở các khía cạnh thẩm mỹ, mà còn bắt rễ sâu xa vào những hệ tư tưởng triết học và thần học cốt lõi. Sự giao thoa này tỏa sáng qua cách các trí thức và nghệ sĩ Cơ Đốc giáo khéo léo lồng ghép tư tưởng Hy Lạp vào giáo lý, biến những triết lý ấy thành nguồn cảm hứng nghệ thuật sống động.

Sự dung hợp Triết học và Thần học

Giáo hội Kitô giáo sơ khai đã ra đời và phát triển trong một bối cảnh độc đáo, nơi triết học Hy Lạp cổ đại đã ăn sâu bám rễ. Các Giáo phụ, tiêu biểu như Thánh Augustinô thành Hippo (354-430) và Thánh Thomas Aquinas (1225-1274), đã nghiên cứu sâu rộng tư tưởng Hy Lạp - La Mã để xây dựng nền tảng tư tưởng. Chẳng hạn, triết học của Augustine chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ Plato và chủ nghĩa Tân Platon, nhấn mạnh các lý tưởng như tính phi vật chất của linh hồn và sự tồn tại của chân lý tuyệt đối, bất biến. Về sau, Aquinas đã dung hòa tư tưởng Aristoteles, nền tảng cốt lõi của triết học và khoa học phương Tây, nổi bật với phương pháp tiếp cận thực nghiệm, gắn liền với thế giới tự nhiên và đề cao tính thực tiễn - đặc biệt là phương pháp thực nghiệm và các quan niệm về thế giới tự nhiên - vào thần học Kitô giáo.

Sự giao thoa trí tuệ này đã đặt nền móng cho triết học Kitô giáo thời Trung cổ, nơi đức tin và lý trí được xem là những yếu tố bổ sung cho nhau thay vì mâu thuẫn.

Sự thẩm thấu của tư tưởng Triết học trong các biểu đạt Nghệ thuật

Là sự giao thoa hoàn mỹ, nghệ thuật Cơ Đốc giáo thời Trung cổ khéo léo lồng ghép triết lý Hy Lạp hóa vào thần học Cơ Đốc. Qua các bản thảo minh họa,

tranh kính màu hay phù điêu chạm khắc, mỹ thuật thời kỳ này không đơn thuần tiếp nối truyền thống La Mã mà còn nâng tầm nghệ thuật kể chuyện. Tôn giáo đã dùng chính phương tiện sinh động ấy để truyền đạt các bài học đạo đức sâu sắc. Bắt nguồn từ truyền thống mô tả sử thi của người Hy Lạp, lối tự sự này đã được cải biên để trở thành nhịp cầu dẫn dắt con người bước vào thế giới dụ ngôn đầy màu nhiệm của Cơ Đốc giáo.



Mảnh vỡ tượng nam thánh mặc áo choàng (Cuối thế kỷ X - đầu thế kỷ XI, đá vôi vỏ sò. Nguồn: Nhà thờ St. Pantaleon, Cologne). Sau khi Tổng giám mục Bruno được an táng tại Nhà thờ St. Pantaleon vào năm 965, tu viện dòng Biển Đức do ông sáng lập đã trải qua quá trình tái thiết quy mô lớn, đánh dấu sự phát hiện các di vật của Thánh Maurinus. Khoảng hai mươi năm sau, di vật của Thánh Albinus cũng được đưa về nhà thờ nhờ món quà từ Hoàng hậu Theophanu (955-991), một công chúa Đông La Mã (Byzantine), người trở thành Hoàng hậu Đế quốc La Mã Thần thánh thông qua cuộc hôn nhân với Hoàng đế Otto II. Bàn thờ Albinus - nơi Nữ hoàng được an táng vào năm 991 - tọa lạc ngay vị trí trung tâm phần cấu trúc phía tây (westwork) của nhà thờ. Khu vực này đã được cải tạo vào cuối thế kỷ X và hoàn thiện muộn nhất là vào những năm 1020. Mặt tiền của công trình từng được trang trí bằng một hệ thống điêu khắc hoành tráng và công phu. Hiện tại, ba mảnh vỡ tiêu biểu từ công trình này đang được trưng bày tại Bảo tàng Schnütgen (Cologne):Tượng Chúa Kitô: Đặt ở vị trí trung tâm của cấu trúc ba tầng, phần đầu của bức tượng này hiện vẫn còn được lưu giữ với kích thước lớn hơn người thật.Đầu thiên thần (mảnh vỡ): Hình ảnh chiếc đầu không có râu, nhiều khả năng là một thiên thần.Tượng nam

thánh mặc áo choàng (mảnh vỡ): Tác phẩm có kích thước như người thật, có thể là một trong những vị thánh bảo trợ của nhà thờ hoặc Thánh Albinus.

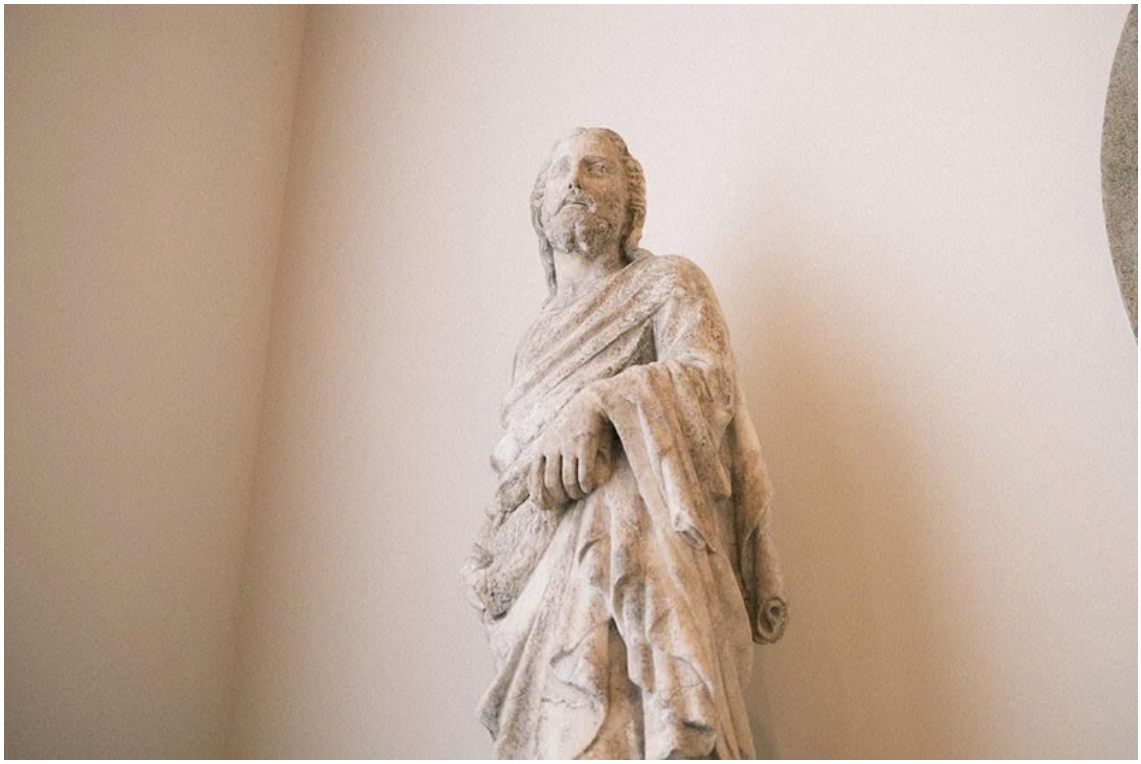


Bức tượng Đức Mẹ bế Chúa Hài Đồng bằng đá sa thạch phấn, chế tác khoảng năm 1270 tại Cologne. Hiện tác phẩm này đang được lưu giữ trong Kho báu của Nhà thờ Chính tòa Cologne, Đức



Tác phẩm cột trang trí Hình ảnh hàng tháng có xuất xứ từ Padua, chế tác vào giữa thế kỷ XIII từ đá cẩm thạch Veronese. Chi tiết đầu cột kép của tác phẩm tái hiện sinh động các hoạt động thường nhật trong

nửa đầu năm. Mời bạn xem thêm các hiện vật khác trong loạt tác phẩm này tại bài đăng. Hiện đang được lưu giữ tại Bảo tàng Bode, Berlin, Đức.



Thánh James the Lesser (?), tác phẩm của nhà điêu khắc người Ý, Pacio Bertini da Firenze (1325-1351), hoạt động vào nửa đầu thế kỷ XIV tại Naples, khoảng năm 1340 (?), chất liệu cẩm thạch. Ban đầu tay trái cầm một cuốn sách, tay phải có lẽ cầm một cây sào đánh cá voi. Bảo tàng Bode, Berlin, Đức

Việc khắc họa Chúa Kitô, các vị thánh và những nhân vật Kinh thánh thường bắt nguồn từ nghệ thuật lý tưởng hóa của Hy Lạp - La Mã, nhằm biểu trưng cho sự trọn hảo về đức hạnh và tâm linh. Kế thừa quan niệm về cái đẹp và sự hoàn mỹ từ thời kỳ Hy Lạp hóa, các nghệ sĩ Cơ Đốc giáo cuối thời Trung Đại đã diễn giải lại những biểu cảm thanh bình và tỷ lệ hình thể hài hòa. Sự cách điệu này nhằm tôn vinh vẻ đẹp thánh thiện và tính thần thánh tuyệt đối của các nhân vật Kitô giáo.

Tính kế thừa và biến đổi trong kiến trúc

Dấu ấn La Mã thể hiện rõ nét qua hình mẫu vương cung thánh đường (basilica), vốn trở thành quy chuẩn kinh điển của các nhà thờ Thiên Chúa giáo. Kiến trúc này đã được biến đổi linh hoạt nhằm đáp ứng các nghi thức phụng vụ và tôn vinh ý nghĩa biểu tượng sâu sắc của tín ngưỡng Cơ Đốc. Bắt nguồn từ không gian dành cho hoạt động công cộng và pháp lý, vương cung thánh đường đã được tái định hình thành biểu tượng của vũ trụ Cơ Đốc giáo: nếu gian chính biểu

hiện cho cõi trần gian hữu hình, thì khu vực cung thánh lại vươn mình đại diện cho cõi thiên đàng vĩnh cửu.

Ảnh hưởng đạo đức cá nhân

Bên cạnh đó, các giá trị đạo đức truyền thống của Hy Lạp - La Mã cổ đại như sự tiết độ, công bằng và lòng can đảm cũng dần hòa quyện vào hệ luân lý Cơ Đốc giáo. Các nghệ sĩ thường truyền tải thông điệp này thông qua những biểu tượng nghệ thuật hoặc các huyền tích về các vị thánh – những hiện thân sống động của chính các đức tính ấy. Sự giao thoa này cho thấy nghệ thuật Cơ Đốc giáo không chỉ là phương tiện truyền tải giáo lý, mà còn là cầu nối giáo dục đạo đức và luân lý sâu sắc, bắt nguồn từ chính di sản triết học vĩ đại của thời kỳ cổ đại.

Sức ảnh hưởng vượt tầm thẩm mỹ

Nhìn chung, văn hóa Hy Lạp hóa (Hellenistic) đã để lại những dấu ấn sâu sắc đối với nghệ thuật và tư tưởng Kitô giáo trong suốt thời Trung Cổ. Đây không chỉ là sự tiếp nối các phong cách nghệ thuật, mà còn là sự hòa quyện phức tạp giữa các hệ tư tưởng triết học, thần học và đạo đức. Quá trình tổng hợp này không tránh khỏi những căng thẳng, khi các nhà thần học Cơ Đốc giáo phải chật vật dung hòa những yếu tố ngoại giáo trong văn hóa Hy Lạp - La Mã. Mặt khác, nhiều di sản tri thức cổ đại đã bị mai một do hệ quả của các chính sách kiểm duyệt gắt gao cùng hành vi triệt phá có hệ thống các đền thờ, thư viện. Dù vậy, chính sự giao thoa này đã đặt nền móng cho những bước tiến rực rỡ về tri thức và nghệ thuật thời Trung Cổ, tạo nên một thế giới quan Cơ Đốc giáo độc bản. Qua đó, sức mạnh cải biến của nền văn hóa Hy Lạp - La Mã đối với di sản Cơ Đốc giáo được thể hiện vô cùng rõ nét.

Nhìn chung, văn hóa Hy Lạp hóa (Hellenistic) đã để lại những dấu ấn sâu sắc và đa chiều đối với nghệ thuật cũng như tư tưởng Kitô giáo trong suốt thời Trung Cổ. Đây không đơn thuần là sự tiếp nối các phong cách nghệ thuật, mà là sự hòa quyện phức tạp giữa các hệ tư tưởng triết học, thần học và đạo đức. Quá trình tổng hợp này tất nhiên không tránh khỏi những căng thẳng, khi các nhà thần học Cơ Đốc giáo phải chật vật dung hòa những yếu tố bị xem là ngoại giáo. Mặt khác, không ít di sản tri thức cổ đại đã bị mai một hoặc thất truyền, hệ quả từ các chính sách kiểm duyệt gắt gao và việc triệt phá có hệ thống các đền đài, thư viện thời bấy giờ. Dù vậy, chính sự giao thoa giữa thế giới quan Thiên Chúa giáo và tri thức Hy Lạp - La Mã đã đặt nền móng cho những bước tiến rực rỡ của nghệ thuật và học thuật Trung Cổ. Qua đó, một thế giới quan Cơ Đốc giáo độc bản đã được hình thành, minh chứng cho sức sống lâu bền và khả năng cải biến mạnh mẽ của nền văn hóa cổ đại đối với di sản Kitô giáo.

Ảnh hưởng của Hy Lạp - La Mã trong mỹ thuật Phật giáo: Nghệ thuật Gandhāra

Sức ảnh hưởng của nền văn hóa Hy Lạp (Hellenistic) không chỉ dừng lại ở việc bồi đắp cho nghệ thuật và tư tưởng phương Tây, mà còn vượt xa ranh giới của các đế chế Alexander hay La Mã để in dấu ấn sâu đậm lên các trung tâm Phật giáo tại Gandhāra (Pakistan và Afghanistan ngày nay).

Không chỉ dừng lại ở biên giới đế chế Alexander hay La Mã, tầm ảnh hưởng của nghệ thuật Hy Lạp hóa còn vươn xa đến tận Gandhāra - trung tâm văn hóa và tôn giáo Phật giáo hưng thịnh từ thế kỷ III trước Tây lịch đến thế kỷ XII sau Tây lịch, trải dài trên khu vực tây bắc Pakistan và đông bắc Afghanistan ngày nay. Phát triển rực rỡ từ thế kỷ I trước Tây lịch đến thế kỷ V sau Tây lịch, nghệ thuật Phật giáo Gandhāra chính là minh chứng sống động cho quá trình tiếp biến và dung hợp văn hóa Đông - Tây.

Bối cảnh lịch sử và sự trao đổi văn hóa

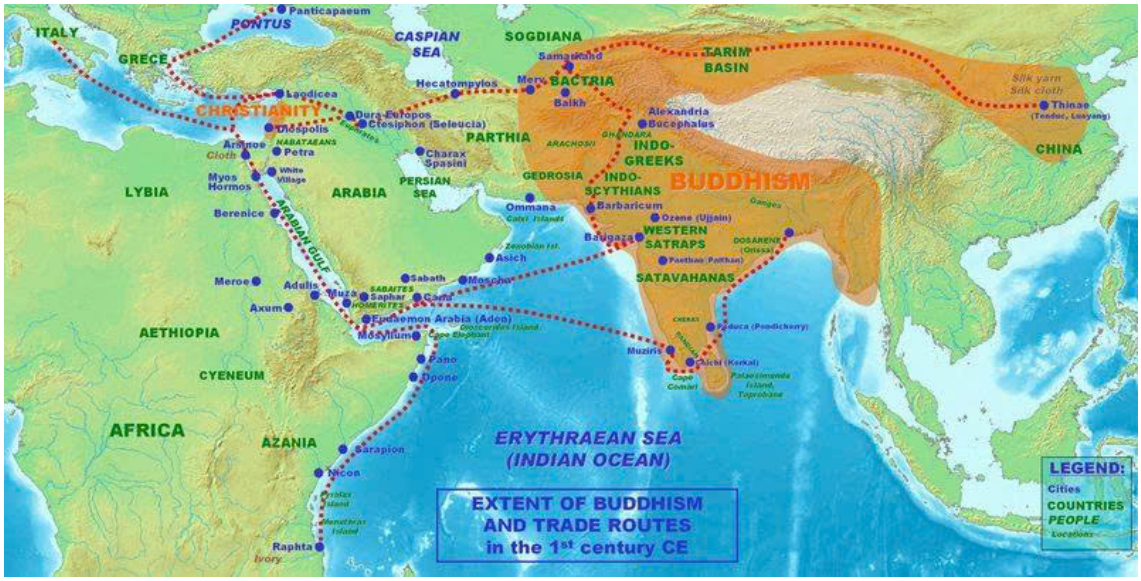
Trở thành trung tâm văn hóa vĩ đại kể từ sau bước chân chinh phạt của Alexander Đại đế, Gandhāra chính là nơi hội tụ và tỏa sáng của nhiều nền văn minh. Qua các triều đại Mauryan, Ấn Độ-Hy Lạp, Scythia, Parthia đến Kushan, mảnh đất này đã dệt nên một di sản văn hóa đa sắc và độc đáo.



Bức tranh tái hiện lại thời kỳ các vương quốc và thành phố Phật giáo cổ đại vào khoảng năm 500 trước Tây lịch. Điểm nhấn của giai đoạn này là “Thập lục Đại quốc” (Mahājanapadas), bao gồm 16 vương quốc và nền cộng hòa hùng cường chi phối toàn bộ bán đảo. Nổi bật trong số đó là Gandhāra - một vùng văn hóa trứ danh ở tây bắc Pakistan và đông bắc Afghanistan ngày nay, cùng vô số tiểu quốc khác cùng nhau trỗi dậy mạnh mẽ dọc theo lưu vực sông Hằng trù phú.



Bối cảnh lãnh thổ Vương quốc Ấn Độ - Hy Lạp vào khoảng năm 150 trước Tây lịch. Đây là một trong những vương quốc Hy Lạp hóa trọng yếu, bao trùm các vùng đất thuộc tây bắc tiểu lục địa Ấn Độ (chủ yếu là Afghanistan và Pakistan ngày nay, bao gồm cả vùng Gandhāra) trong hai thế kỷ cuối trước Tây lịch. Vương quốc hình thành sau sự sụp đổ của Đế chế Maurya và cuộc xâm lược của người Hy Lạp - Bactria bắt đầu từ khoảng năm 180 trước Tây lịch. Do Demetrius I của Bactria (trị vì khoảng 200-180 trước Tây lịch) khai sáng, vương quốc trải qua hai thế kỷ phát triển dưới sự cai trị của hơn 30 đời vua, trong đó nổi bật nhất là vị quân vương Menander I.



Bản đồ thể hiện phạm vi ảnh hưởng của Phật giáo và các tuyến thương mại chính (đường chấm đỏ) trong thế kỷ I sau Tây lịch. Qua đó, hình dung rõ sự liên kết giao thương giữa các vùng truyền bá Phật giáo (bao gồm cả Gandhāra), thế giới Hy Lạp - La Mã, bán đảo Ả Rập và Bắc Phi. (Nguồn: Wikimedia Commons, CC BY-SA 3.0)"

Trong đó, vương quốc Ấn Độ-Hy Lạp đóng vai trò chiếc cầu nối định mệnh, dung hợp văn hóa Hy Lạp hóa với triết lý Phật giáo. Sự gặp gỡ kỳ diệu này đã tạo nên một cuộc đối thoại tư tưởng sâu sắc, nơi kỹ thuật nghệ thuật Hy Lạp hòa quyện tuyệt đối cùng tinh thần tôn giáo Phật giáo.

Đặc điểm sáng tạo nghệ thuật

Nghệ thuật Gandhāra đã đánh dấu bước ngoặt mang tính cách mạng trong quá trình khắc họa hình tượng Đức Phật. Ở giai đoạn sơ kỳ, mỹ thuật Phật giáo mang tính biểu tượng (aniconic); hình ảnh đức Phật không tạc theo hình dáng con người mà chỉ xuất hiện gián tiếp qua các biểu tượng. Sự thay đổi lớn xảy ra khi nghệ thuật này tiếp biến phong cách Hy Lạp hóa (Greco-Buddhism). Theo đó, Gandhāra đã đưa vào mỹ thuật Phật giáo hình thức nhân hình hóa, nơi kỹ thuật tạo hình phương Tây hòa quyện cùng tư tưởng tâm linh phương Đông. Sự dung hợp này thể hiện rõ nét qua các pho tượng Phật mang đậm dấu ấn điêu khắc cổ điển Hy Lạp - La Mã.

Sự nhân cách hóa hình tượng đức Phật

Trước thời kỳ giao thoa với nghệ thuật Hy Lạp hóa, mỹ thuật Phật giáo mang đặc trưng phi tượng (aniconic). Sự hiện diện của Đức Phật không khắc họa trực tiếp qua hình tướng con người, mà được biểu đạt tinh tế qua các biểu tượng như hoa sen, bánh xe pháp luân hoặc cây Bồ đề. Sự ra đời của tượng Phật mang hình người trong nghệ thuật Gandhāra - kết tinh từ những nét tinh hoa của

truyền thống điêu khắc Hy Lạp và La Mã đã đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử mỹ thuật tôn giáo. Có thể xem sự cách tân này như một sự dung hợp khéo léo để phù hợp với thẩm mỹ đương thời; bởi lẽ, thế giới Hy Lạp - La Mã vốn đã quen thuộc với việc thờ phụng thần linh và các nhân vật tôn giáo mang hình dáng con người. Chính sự tiếp biến này đã giúp các triết lý Phật giáo trở nên gần gũi và dễ thẩm thấu hơn đối với cộng đồng bản địa.

Dấu ấn tự sự trong không gian nghệ thuật phù điêu

Ẩn hiện trên những bức phù điêu Gandhāra cổ kính (vùng tây bắc Pakistan và đông Afghanistan ngày nay) là cả một thế giới sống động về cuộc đời Đức Phật và các tiền kiếp (Jataka). Dưới lăng kính thẩm mỹ Hy Lạp, các tích truyện Phật giáo được thể hiện tài tình thông qua bố cục hài hòa và nghệ thuật tả thực xuất sắc. Những tuyệt tác này tựa như những thông điệp tuyên dwong Diệu pháp Như Lai bằng hình ảnh. Bằng sự khắc họa tinh tế nội tâm và không gian, phù điêu Gandhāra đã vượt qua mọi rào cản văn hóa, đưa những triết lý Phật giáo đến gần hơn với tâm hồn người thưởng lãm.

Biểu tượng sự kết hợp

Hình tượng đức Phật trong nghệ thuật Gandhāra là sự giao thoa độc đáo giữa phong cách Hy Lạp hóa và tinh thần Phật giáo truyền thống. Những chi tiết như mái tóc gợn sóng hay nếp áo choàng buông rủ mềm mại được kết hợp hài hòa cùng các biểu tượng thiêng liêng: ushnisha (nhục kế) biểu trưng cho trí tuệ siêu việt, và urna (bạch hào) đại diện cho ánh sáng giác ngộ tối thượng. Sự hòa quyện này không chỉ là minh chứng cho cuộc gặp gỡ giữa tư tưởng triết học Hy Lạp và triết lý Phật giáo, mà còn thể hiện trọn vẹn khát vọng vươn tới cái đẹp hoàn mỹ. Qua nét mặt an nhiên và hình thể lý tưởng, các bức tượng đã truyền tải thành công tinh thần giác ngộ cùng sự an tịnh sâu thẳm của đạo Phật.

Vẻ thanh thản trên nét mặt và sự hoàn hảo trong hình thể của các bức tượng Phật là sự giao thoa tuyệt đẹp: vừa phản ánh khát vọng hướng tới cái đẹp Hy Lạp, vừa truyền tải trọn vẹn lý tưởng giác ngộ và an tịnh của Phật giáo.

Các yếu tố kiến trúc

Dấu ấn giao thoa văn hóa còn thể hiện rõ nét trong kiến trúc. Điển hình là việc các thức cột Corinth, phong cách hoa mỹ nhất trong ba thức cột cổ điển Hy Lạp và La Mã cùng các họa tiết trang trí Hy Lạp đã được dung nạp vào hệ thống bảo tháp và tự viện Phật giáo. Các công trình này nổi bật với những mảng phù điêu chạm khắc kỳ công, kết hợp cùng kết cấu trần ô lõm (coffered ceiling) - một

kiểu trần đan lưới các dầm tạo thành những ô vuông hoặc chữ nhật sâu hút mắt. Tất cả đã minh chứng cho sự hòa quyện tuyệt vời giữa nghệ thuật Hy Lạp hóa và tinh thần Phật giáo.



Tác phẩm “Chiêm bái Bảo tháp” (tiếng Anh: Adoration of a Stupa, thế kỷ I), chạm khắc từ đá sa thạch, có nguồn gốc từ Đại Bảo tháp Sanchi (bang Madhya Pradesh, Ấn Độ). Hiện kiệt tác này đang được trưng bày tại Diễn đàn Humboldt (Cung điện Berlin, Đức). Đây là đại diện tiêu biểu cho nghệ thuật Phật giáo vô hình tượng (aniconic), nơi hình bóng Đức Phật không được khắc họa bằng hình người mà được biểu đạt đầy tính biểu tượng qua bảo tháp – công trình hình vòm lưu giữ xá lợi Ngài. Khi chiêm bái công trình linh thiêng này, tín đồ thường đi vòng quanh theo chiều kim đồng hồ. Nổi bật trên tác phẩm là hình ảnh hai người đàn ông quấn khăn xếp đang chắp tay cầu nguyện theo văn hóa Ấn Độ, phía trên là các thiên thần đang bay lượn dâng hoa cúng dường.



Một kiệt tác điêu khắc Gandhāra nổi bật khác tại Diễn đàn Humboldt là bức phù điêu “Ma vương Mara tấn công Đức Phật” (thế kỷ II - III) làm từ đá phiến xám. Tác phẩm tái hiện khoảnh khắc Thái tử Sĩ Đạt Ta ngồi thiền định dưới cội Bồ đề. Xung quanh Ngài là binh đoàn của Ma vương Mara, biểu trưng cho sự trói buộc trong bể khổ vô tận với những cám dỗ, nỗi sợ hãi, cơn thịnh nộ và đam mê cuồng nhiệt. Dù bị bủa vây bởi sự huyên náo và các chướng ngại, Đức Phật vẫn chiến thắng nội ma để đạt Giác ngộ tối thượng, minh chứng cho tâm thế vững vàng và sự tĩnh tại tuyệt đối.



> Tượng Phật với dáng đứng bằng đá phiến, có niên đại từ thế kỷ II-III, được khai quật tại di tích Takht-i-Bahi thuộc vùng Gandhāra, Pakistan, hiện đang trưng bày tại Diễn đàn Humboldt ở Berlin, Đức. Bức tượng tỏa ra một sự bình an sâu sắc. Đôi mắt Ngài khép hờ, các đường nét trên khuôn mặt thanh tịnh tuyệt đối, rũ sạch mọi dục vọng trần gian. Tay trái Ngài buông thõng, nhẹ nhàng nắm lấy một nếp áo choàng, trong khi tay phải có lẽ từng được giơ lên trong tư thế Vô úy thủ (Abhaya Mudra) là một trong những thủ ấn (mudra) quan trọng nhất trong Phật giáo, tượng trưng cho sự bình an, lòng từ bi và sự che chở.

Nghệ thuật Gandhāra không chỉ là một hiện tượng sáng tạo đơn thuần mà còn là biểu tượng rực rỡ của cuộc đối thoại giao văn hóa. Sự hòa quyện giữa tinh hoa triết học Phật giáo và nghệ thuật Hy Lạp cổ đại (Hellenistic) đã tạo nên một ngôn ngữ biểu đạt mang tính phổ quát. Nhờ khả năng thích nghi tuyệt vời này, tư tưởng Phật giáo đã dễ dàng vượt qua biên giới, gây tiếng vang sâu sắc với nhiều cộng đồng dọc Con đường Tơ lụa. Những quần thể bảo tháp và tự viện Phật giáo tại đây đã thu hút đông đảo tín đồ, thúc đẩy quá trình truyền bá Phật giáo vào Trung Á và Đông Á. Thông qua sự tiếp biến, các đặc trưng và họa tiết của Gandhāra đã lan tỏa, định hình diện mạo nghệ thuật Phật giáo tại các quốc gia Trung Hoa, Hàn Quốc và Nhật Bản. Tất cả đã khẳng định Gandhāra vùng đất nằm ở ngã tư đường giữa Trung Á và Nam Á là trạm dừng chân lịch sử mang tính bản lề, nơi triết lý và biểu tượng Phật giáo từ Ấn Độ được dung hòa để tỏa khắp toàn cõi Đông Á.

Tổng hợp hay chiếm đoạt?

Dù tầm ảnh hưởng của văn hóa Hy Lạp hóa đối với nghệ thuật Phật giáo Gandhāra đã được thừa nhận rộng rãi, giới nghiên cứu vẫn khuyến cáo không nên đơn giản hóa mối liên hệ phức tạp này. Họ lập luận rằng, bên cạnh dấu ấn sâu sắc của Thời kỳ Hy Lạp hóa (tiếng Hy Lạp: Ελληνισμός hellēnismós), điểm mấu chốt thực sự nằm ở sự sáng tạo và vai trò chủ động của các nghệ sĩ bản địa trong việc chọn lọc, cải biên các yếu tố mới. Cách tiếp cận này mở ra một góc nhìn mới về sự giao thoa văn hóa bình đẳng: nghệ thuật Phật giáo Gandhāra không đơn thuần là bản sao của nghệ thuật Hy Lạp, mà là một sự kết tinh hoàn hảo, minh chứng cho quá trình dung hợp sâu sắc giữa bản sắc bản địa và các luồng văn hóa ngoại lai.

Một minh chứng rõ nét cho sự giao thoa giữa các nền văn hóa

Theo tôi, nghệ thuật Gandhāra là minh chứng sống động cho sự giao thoa mạnh mẽ giữa văn hóa Hy Lạp hóa và Phật giáo. Phong cách này cho thấy sự hòa quyện tuyệt vời giữa nghệ thuật và tư tưởng tôn giáo, tạo nên những biểu đạt sáng tạo cả về lý tưởng thẩm mỹ lẫn tâm linh. Không chỉ làm phong phú kho tàng nghệ thuật Phật giáo, Gandhāra còn khắc họa bức tranh toàn cảnh về sự giao lưu văn hóa cổ đại, qua đó làm nổi bật mối liên kết bền chặt giữa các nền văn minh và di sản chung của nhân loại.

Kết luận

Tương tự như cách Kitô giáo tiếp biến di sản Hy Lạp - La Mã (Greco-Roman) để sáng tạo nên những ngôn ngữ nghệ thuật mới nhằm truyền tải lý tưởng triết học và tâm linh thời Trung cổ, nghệ thuật Phật giáo Gandhāra cũng là kết quả của sự hòa quyện giữa tinh thần phương Đông và thẩm mỹ Hy Lạp. Chính sự giao thoa văn hóa độc đáo này đã kiến tạo nên một truyền thống nghệ thuật mang tính biểu tượng cao, đặt nền móng cho mỹ thuật Phật giáo trên toàn châu Á.

Hòa quyện trong những thanh âm giao thoa là sợi dây liên kết giữa các nền văn minh, minh chứng rằng nghệ thuật có thể xóa nhòa mọi ranh giới về không gian và thời gian. Trong đó, di sản Hy Lạp - La Mã tỏa sáng như một biểu tượng trường tồn của nhân loại, kết nối những chân trời khác biệt.

Việc thấu hiểu sự giao thoa giữa nghệ thuật Hy Lạp - La Mã, Cơ Đốc giáo thời Trung cổ và nghệ thuật Phật giáo không chỉ làm phong phú lăng kính thẩm mỹ, mà còn mở ra những góc nhìn sâu sắc cho diễn ngôn văn hóa đương đại. Thay vì định kiến về sự áp đặt hay chiếm đoạt, lịch sử đã minh chứng cho sức mạnh của sự tổng hợp văn hóa dựa trên tinh thần tôn trọng và làm giàu lẫn nhau. Điều này thách thức chúng ta vượt qua những ranh giới thuần túy để đón nhận vẻ đẹp phức hợp từ sự giao thoa Á - Âu. Qua đó, chúng ta được khuyến khích áp dụng một lăng kính toàn diện và bao dung hơn, nhằm trân trọng những giá trị đa diện đã kiến tạo nên sức sáng tạo của nhân loại.

Tác giả: **Fabrizio Musacchio**/Việt dịch: **Thích Vân Phong**

Nguồn: fabriziomusacchio.com

(https://www.fabriziomusacchio.com/weekend_stories/told/2024/2024-07-06-cross_cultural_echoes_of_hellenism/)

Tài liệu tham khảo:

1] William Woodthorpe Tarn, Hellenistic Civilization, 1961, Penguin Books Ltd, ISBN: 9780452008151

2] John Boardman, Greek Sculpture: The Late Classical Period and Sculpture in Colonies and Overseas, 1995, Thames & Hudson, ISBN: 9780500202852

3] Kenneth Clark, Civilisation: A Personal View, 2005, John Murray Publishers, pages 265, ISBN: 9780719568442

4] Diarmaid MacCulloch, Christianity: The First Three Thousand Years, 2010, Penguin, ISBN: 9781101189993

5] Heather Elgood, Hinduism and the Religious Arts, 2000, A&C Black, ISBN: 9780304707393

6] Denise Patry, Donna K. Strahan, & Lawrence Becker, Wisdom Embodied: Chinese Buddhist and Daoist Sculpture in the Metropolitan Museum of Art, 2010, Metropolitan Museum of Art New York, ISBN: 9780300155211

7] Kurt Behrendt, How to Read Buddhist Art, 2019, The Metropolitan Museum of Art, ISBN: 9781588396730

8] David Jongeward, Buddhist Art of Gandhara: In the Ashmolean Museum, 2019, Ashmolean Museum, ISBN-13: 978-1910807224

9] John Guy & Vincent Tournier, Tree and Serpent: Early Buddhist Art in India, 2023, Metropolitan Museum of Art, ISBN: 9781588396938

10] John Boardman, The Greeks in Asia, 2015, National Geographic Books, ISBN: 9780500252130

11] Richard Foltz, Religions of the Silk Road: Premodern Patterns of Globalization, 2010, Palgrave Macmillan, ISBN: 978023062125

12] Lawrence S. Cunningham, John J. Reich, & Lois Fichner-Rathus, Culture and Values: A Survey of the Western Humanities, 2014, Cengage Learning, ISBN: 9781285449326

13] Christopher I. Beckwith, Greek Buddha: Pyrrho’s Encounter with Early Buddhism in Central Asia, 2015, Princeton University Press, ISBN 10: 0691166447

14] Thomas C. McEvilley, The Shape of Ancient Thought: Comparative Studies in Greek and Indian Philosophies, 2001, Allworth, ISBN: 978-1581152036

Tác giả Fabrizio Musacchio, một nhà nghiên cứu hoạt động trong lĩnh vực khoa học thần kinh tính toán và vật lý địa cầu. Mang trong mình niềm đam mê chia

sẻ kiến thức miễn phí, ông không ngừng tích hợp tư duy khoa học thực nghiệm với các hệ quy chiếu triết học sâu sắc (tiêu biểu như Chủ nghĩa Khắc kỷ và triết học phương Đông).

Ông thường xuyên mang đến những góc nhìn đa chiều thông qua các tài liệu giảng dạy, tiểu luận khoa học và bài phân tích chuyên sâu được công bố rộng rãi trên blog cá nhân.